

Số: 569 /KH-UBND

Quảng Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2023

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 26/NQ-CP); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Cụ thể hóa Nghị quyết số 26/NQ-CP để triển khai thực hiện có hiệu quả quan điểm, chủ trương và giải pháp tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ và năng lực làm chủ của người dân, để nông dân và người dân nông thôn thực sự là trung tâm, chủ thể, động lực, mục tiêu của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nông thôn toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; đảm bảo mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản và có chất lượng; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

#### 2. Yêu cầu

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP, mỗi địa phương, đơn vị cần xây dựng các chương trình, đề án, dự án cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị mình; tăng cường đầu tư về mọi mặt, đồng thời có những chính sách đủ mạnh hỗ

trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

### **1. Đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.**

a) Các cơ quan chức năng các cấp tổ chức quán triệt tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; cụ thể hóa những chủ trương, giải pháp lớn, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị triển khai các nội dung của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và các Nghị quyết liên quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thay đổi tư duy, cách làm của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

b) Xây dựng, tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập, quán triệt thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác để phổ biến, nâng cao nhận thức về các mục tiêu, định hướng và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

c) Thực hiện các Chương trình tuyên truyền thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và các hình thức khác để phổ biến thông tin phù hợp với từng nhóm đối tượng, hướng tới nhận thức, hành động đúng, đầy đủ, toàn diện và có kết quả, hiệu quả thực chất nhằm tạo đồng thuận xã hội và vào cuộc của cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn và các cơ chế, chính sách có liên quan.

### **2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn**

a) Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, rút ngắn khoảng cách tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa

khu vực nông thôn và thành thị. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, tập trung, quy mô lớn; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ. Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn.

b) Xây dựng và triển khai hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó triển khai phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030”; xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nguồn lực cho ngành nông nghiệp, nông thôn tập trung vào những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, kiến tạo giá trị mới và theo hướng tăng cường phân cấp cho địa phương. Đổi mới tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức bảo đảm chất lượng năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công vụ. Sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động.

d) Phân cấp mạnh mẽ hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp; phát triển mạnh mẽ hệ thống khuyến nông cộng đồng. Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, ngành hàng tham gia vào quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đào tạo nghề và khuyến nông.

đ) Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, khu vực nông thôn.

e) Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia thực hiện và hưởng lợi các chính sách của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đổi mới, đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, cơ chế, thủ tục để nông dân được tiếp cận với thủ tục giản đơn nhất. Đổi mới phương thức hỗ trợ cho nông dân, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang gián tiếp, từ hỗ trợ cho không sang hỗ trợ cho vay lãi suất thấp, đặc biệt thực hiện hình thức đầu tư có thu hồi, quay vòng vốn. Bảo đảm, nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Triển khai các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng

nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

**3. Thực hiện đột phá chiến lược trong phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa; xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa khu vực nông thôn; phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn**

a) Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quá trình đô thị hóa, nhất là ở các địa bàn có nhiều khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, khu vực biên giới không để quá chênh lệch so với vùng nông thôn, ven đô thị; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tăng cường giám sát các chương trình đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

Ưu tiên dành nguồn lực đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng tạo động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, liên vùng (thương mại, logistic...), hạ tầng kinh tế số; hạ tầng thuộc các vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo đảm cân đối hơn giữa các phương thức trong phát triển hạ tầng giao thông.

Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thủy sản và muối; gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; khôi phục, củng cố, mở rộng các làng nghề, làng nghề truyền thống; Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống. Tập trung phát triển một số sản phẩm phục vụ du lịch, xuất khẩu có giá trị gia tăng cao. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

b) Xây dựng các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý và phân bổ vốn đầu tư công, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn, bao gồm cả đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) nhằm huy động mọi

nguồn lực xã hội phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời với nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước.

d) Xây dựng các phương án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hoàn thiện quy hoạch đất đai và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, ưu tiên tạo việc làm cho lao động nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn.

đ) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo đảm phát huy lợi thế của từng vùng, địa phương và tạo vùng nguyên liệu tập trung, bền vững cho phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn, khu vực biên giới, biển.

e) Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và là một trong những khâu đột phá để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững. Tập trung nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách, triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với tích hợp đa giá trị trong sản phẩm nông nghiệp; tăng cường xúc tiến quảng bá, thu hút khách du lịch về khu vực nông thôn. Xây dựng thí điểm và phát triển mô hình “Nông thôn năng động - Cộng đồng sáng tạo - Di sản gắn kết”.

Thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tham gia vào phát triển du lịch. Định vị Quảng Bình là một trong những điểm đến hàng đầu tại Việt Nam, trung tâm du lịch mạo hiểm của khu vực Đông Nam Á gắn với những hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc: du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch hang động, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch thể thao, du lịch biển, nghỉ dưỡng,... Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là trung tâm du lịch tâm cổ quốc gia, quốc tế với hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao. Tập trung phát triển du lịch vào 04 cụm: Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; thành phố Đồng Hới và các khu vực du lịch biển phụ cận; Trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên phía nam tỉnh (trên địa bàn huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh); Khu vực phía Bắc tỉnh (trên địa bàn huyện Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn, huyện Tuyên Hóa, huyện Minh Hóa) và Vũng Chùa - Đảo Yến.

g) Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động

quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền. Tiếp tục giữ vững và củng cố bộ máy triển khai thực hiện chương trình theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa; đồng thời nghiên cứu đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu. Tập trung chỉ đạo theo từng nhóm xã:

*Đối với đơn vị cấp huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:* Tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo tiêu chí quy định hiện hành; đồng thời, xác định nội dung, giải pháp thực hiện, đảm bảo giữ vững và đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí trong tình hình mới.

*Đối với các xã đã đạt chuẩn:* Duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn, xây dựng kế hoạch phân đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

*Đối với xã phân đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, xã đăng ký hoàn thành nông thôn mới các năm tiếp theo:* Chủ động huy động nguồn lực, tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, tiêu chí; đặc biệt là các tiêu chí chưa đạt; ưu tiên các nội dung dễ làm, cần ít vốn để chỉ đạo thực hiện.

#### **4. Nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng**

a) Khuyến khích tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy liên kết và chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp; nâng cao năng lực tiếp thu và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và người dân. Hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất theo hướng hữu cơ; tập trung vào các đối tượng: lúa gạo, rau củ quả, cây dược liệu, cây ăn quả, bò thịt, gia cầm, tôm (mặn, lợ); bước đầu hình thành các vùng sản xuất hữu cơ tập trung: vùng trồng trọt, vùng chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ tại một số địa phương tiềm năng (Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bồ Trạch, Ba Đồn...)

b) Xây dựng các chương trình, đề án mang tính đột phá về khoa học công nghệ, đặc biệt trong ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chủ động thích ứng biến đổi khí hậu.

c) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự là khâu đột phá chiến lược; động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho hoạt

động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và bảo vệ kết quả hoạt động sáng tạo. Thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, quỹ khoa học công nghệ gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm và kết quả đầu ra cuối cùng, khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

d) Xây dựng và kết nối các cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước và hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

đ) Đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp theo lộ trình, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn. Xây dựng các đề án, kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số. Xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, thanh niên chuyển đổi số. Tăng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại nông sản điện tử.

e) Đẩy mạnh sử dụng vắc xin, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, hữu cơ trong sản xuất; phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, kiểm dịch động, thực vật.

### **5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

a) Rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành bảo đảm phù hợp với các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn để đề xuất điều chỉnh và tổ chức triển khai toàn diện, có hiệu quả. Có giải pháp, cơ chế đồng bộ huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thu hút, thúc đẩy đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

b) Nghiên cứu, đề xuất những cơ chế, chính sách mới hoặc sửa đổi, bổ sung những chính sách hiện có để tạo động lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, tín dụng, tổ chức sản xuất, mở rộng thương mại nông lâm thủy sản.

c) Tăng cường thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả; giải quyết những vướng mắc trong quy trình quản lý đầu tư, phát huy vai trò của đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân; tập trung vốn vào các lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa.

d) Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực chất, hiệu quả; đặc biệt là phát triển nông nghiệp sạch, xanh, tuần hoàn, bền vững, nông nghiệp thông minh, góp phần đa dạng hóa sản phẩm và đưa nhanh sản phẩm và doanh nghiệp của tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất kinh doanh nông sản trong nước. Có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư phát triển dịch vụ, công nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn. ✓

đ) Thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội công bằng cho người dân nông thôn, bảo đảm nông dân và cư dân nông thôn được tiếp cận dịch vụ xã hội tương đương với người dân thành thị; từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân.

e) Định kỳ tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đề xuất điều chỉnh phù hợp với yêu cầu, thực tiễn.

## **6. Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển thị trường trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ**

a) Đẩy mạnh đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã hợp tác, liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị, liên ngành, liên vùng. Thí điểm, nhân rộng các mô hình đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả; mở rộng sản xuất nông sản hàng hóa gắn với xây dựng, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung. Phát triển, nhân rộng các loại hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới có hiệu quả; chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng được các tiêu chuẩn và bảo vệ môi trường. Nhân rộng, phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, tối ưu hóa lợi thế so sánh của từng địa phương, vùng, miền.

c) Thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa.

d) Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, gắn với phát triển, nhân rộng thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc nông sản. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về chất lượng an toàn thực phẩm. Mở rộng thị trường tiêu thụ, phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử hàng nông sản.

## **7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu**

a) Triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Thực hiện có hiệu quả các luật, chiến lược, chương trình tổng thể, kế hoạch về phòng, chống thiên tai, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu. Tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai. Chủ



động phòng, chống thiên tai, xác định các vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai; rà soát hoàn thiện kịch bản ứng phó, sử dụng đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng chống thiên tai; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong việc tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

c) Nghiên cứu, đánh giá mức độ gây ô nhiễm môi trường, mức phát thải khí nhà kính trong sản xuất, kinh doanh. Xây dựng kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030 trong từng lĩnh vực cụ thể, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon.

d) Khuyến khích phát triển các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp như một nguồn tài nguyên tái tạo, bền vững. Hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, các sản phẩm nông nghiệp sinh thái; hỗ trợ các hoạt động xử lý, cải tạo ô nhiễm môi trường. Quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; có giải pháp thu hút mạnh mẽ đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết ở các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung. Xây dựng và thực hiện các quy định về mua sắm xanh. Triển khai mạnh mẽ các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh.

đ) Quan tâm cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

## **8. Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế**

a) Xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp, nông thôn.

b) Hướng dẫn và giám sát thực hiện nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân ngoài nước; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

c) Tổ chức phổ biến, hỗ trợ thực hiện và triển khai hiệu quả các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương (trong đó có các FTAs) liên quan đến nông nghiệp, nông thôn để thúc đẩy xuất khẩu nông sản của tỉnh. Giữ ổn định các thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch. Làm tốt công tác truyền thông, kịp thời cung cấp thông tin về các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của các thị trường nhập khẩu.

d) Xây dựng và thực hiện kế hoạch mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

đ) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, phối hợp với các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch; định kỳ hàng năm (trước ngày 01/12) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp triển khai thực hiện.

2. Căn cứ nội dung Kế hoạch, các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/11) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi cơ quan thường trực tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, các địa phương tham mưu UBND tỉnh huy động các nguồn lực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế chính sách để hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thành phố, thị xã, hệ thống đài truyền thanh cơ sở tăng thời lượng tin, bài, chuyên mục tuyên truyền sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP tới toàn thể tầng lớp nhân dân.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ban, ngành làm tốt chức năng tham mưu, phản biện xã hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

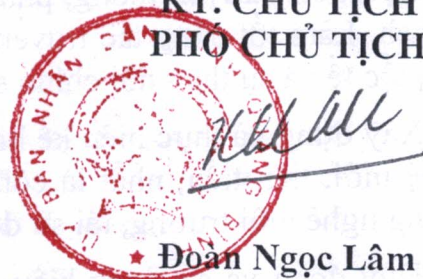
#### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

## PHỤ LỤC I

**Chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Kế hoạch số 569/KH-UBND, ngày 31 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Các Sở, ngành theo dõi chỉ tiêu
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tốc độ tăng GDP ngành nông nghiệp	%/năm	3,5-4	3,5-4	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu NLTS	%/năm	5,5	5,5	Cục Thống kê
3	Diện tích rừng có chứng chỉ bền vững	Ha	> 7.000	> 20.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	68	68	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng ven biển của tỉnh	%	-	3 - 5	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Tỷ lệ giá trị sản phẩm NLTS được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết	%	8	> 15	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Giảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia so với kịch bản phát triển thông thường, trong đó:	%	-	43,5	Sở Tài nguyên và Môi trường
	- Lĩnh vực nông nghiệp	%		43	
	- Lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất	%		70	
8	Phát thải khí metan trong trồng trọt	Triệu tấn CO <sub>2</sub> tđ	< 42	< 31	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Trồng trọt và BVTV)
9	Phát thải khí metan trong chăn nuôi	Triệu tấn CO <sub>2</sub> tđ	< 17	< 15	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi và Thú y)
10	Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp	%/năm	5,0-5,5	5,5 - 6	Cục Thống kê
11	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động	%	25-30	< 20	Cục Thống kê

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Các Sở, ngành theo dõi chỉ tiêu
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	xã hội				
12	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Người/năm	15.000	18.300	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
13	Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo	%	45-50	> 70	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
14	Thu nhập của người dân nông thôn so với năm 2020	Lần	1,5 - 1,7	2,5 - 3	Cục Thống kê
15	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	50-60	65	Sở Tài nguyên và Môi trường
16	Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn	%	10	10	Sở Công thương
17	Đầu tư NSNN giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn so với giai đoạn 2011 - 2020	Lần	-	≥ 2	Sở Nông nghiệp và PTNT
18	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; trong đó:	%	87 (112 xã)	90	Sở Nông nghiệp và PTNT
	- Số xã đạt chuẩn nâng cao	%	34,8 (39 xã)	50	
19	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn /hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Cấp huyện	2	3	Sở Nông nghiệp và PTNT
20	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn	% giảm/năm	0,5 - 1	1 - 1,5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
21	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định	%	-	90	Sở Tài nguyên và Môi trường

**PHỤ LỤC II**

**Nhiệm vụ xây dựng các văn bản thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**  
(Kèm theo Kế hoạch số 569 /KH-UBND, ngày 31 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình; thời gian trình	Sản phẩm
<b>I</b>	<b>ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG, THỐNG NHẤT NHẬN THỨC, HÀNH ĐỘNG VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN</b>				
1	Kế hoạch/Đề án nâng cao năng lực, hiệu quả truyền thông thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 nhằm thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, xây dựng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh", nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất của người dân nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở, ngành, cơ quan liên quan	UBND tỉnh; 2024	Kế hoạch/Đề án
2	Kế hoạch/Đề án tri thức hóa nông dân đáp ứng vị trí chủ thể, trung tâm trong xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh, nông thôn hiện đại	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hội Nông dân tỉnh; các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2024	Kế hoạch/Đề án
3	Kế hoạch/Đề án đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyên đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM	Sở Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh; 2023-2024	Kế hoạch/Đề án
<b>II</b>	<b>ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC; TẠO VIỆC LÀM TẠI CHỖ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; NÂNG CAO VAI TRÒ, VỊ THẾ, NĂNG LỰC LÀM CHỦ, CẢI THIỆN TOÀN DIỆN ĐỜI SỐNG CỦA NÔNG DÂN VÀ CƯ DÂN NÔNG THÔN</b>				
1	Kế hoạch/Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở, ngành	UBND tỉnh; 2023-2024	Kế hoạch/Đề án

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình; thời gian trình	Sản phẩm
			liên quan; Tỉnh đoàn		
2	Kế hoạch/Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh; 2024	Kế hoạch/Đề án
3	Kế hoạch/Đề án giải pháp phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Kế hoạch/Đề án
4	Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở vùng nông thôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Đề án
5	Đề án xây dựng và phát triển mô hình đào tạo, bồi dưỡng nghề gắn với thực hành sản xuất nông nghiệp và giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên nông thôn	Tỉnh đoàn	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động, TB&XH; Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Đề án
6	Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các Sở, ngành liên quan; Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	UBND tỉnh; 2024 - 2025	Đề án
<b>III</b>	<b>THỰC HIỆN ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; XÂY DỰNG NÔNG THÔN THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA; PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh; 2025 - 2026	Quyết định
2	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2025 - 2026	Quyết định



TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình; thời gian trình	Sản phẩm
3	Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Quyết định
4	Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh; 2025	Quyết định
5	Chương trình tăng cường tiềm lực cho lực lượng Công an xã chính quy để đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong quá trình xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa	Công an tỉnh	Các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Quyết định
6	Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ huy quân sự và lực lượng dân quân cấp xã biên giới, ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Đề án
7	Đề án Hội Nông dân tham gia xây dựng và triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGap gắn xây dựng sản phẩm OCOP và nông nghiệp tuần hoàn	Hội Nông dân tỉnh	Các Sở, ngành cơ quan liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Đề án
<b>IV</b>	<b>NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỂ PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG THEO HƯỚNG SINH THÁI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, GIÁ TRỊ GIA TĂNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP</b>				
1	Kế hoạch/Đề án Phát triển khoa học và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Kế hoạch/Đề án
2	Kế hoạch/Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Kế hoạch/Đề án
<b>V</b>	<b>ĐỔI MỚI TỔ CHỨC, HỢP TÁC, LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ; PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XUẤT KHẨU, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ</b>				
1	Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030,	Sở Nông nghiệp và	Các Sở, ngành liên	UBND tỉnh;	Đề án

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình; thời gian trình	Sản phẩm
	tầm nhìn đến năm 2050	Phát triển nông thôn	quan; các địa phương	2024 - 2025	
2	Đề án phát triển trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan; các địa phương	UBND tỉnh; 2026	Đề án
3	Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan; các địa phương	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Đề án
<b>VI</b>	<b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN, NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>				
1	Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở ngành, cơ quan liên quan	UBND tỉnh; 2023 - 2024	Đề án
<b>VII</b>	<b>NHIỆM VỤ KHÁC</b>				
1	Đề án đánh giá tổ chức hoạt động của chính quyền cấp xã giai đoạn 2016 - 2021, định hướng phát triển đến năm 2030 (trong đó có tổ chức và hoạt động của chính quyền nông thôn (xã))	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh; 2023-2024	Đề án